

TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN MÙA KHÔ 1997-1998 ĐỐI VỚI SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG Ở BÌNH THUẬN

KS. Phạm Hùng Sơn

**Trạm Dự báo và Phục vụ Khí tượng Thủy văn
tỉnh Bình Thuận**

Như chúng ta đã biết, do ảnh hưởng của hiện tượng En Nino, tình hình thời tiết thủy văn từ tháng 11-1997 (đầu vụ đông xuân) đến nay diễn biến rất phức tạp và khác thường. Tình trạng khô nóng, hạn hán, cạn kiệt nước ngọt, thiếu nước trầm trọng và kéo dài liên tục nhiều tháng qua đã xảy ra ở khắp các huyện trong tỉnh Bình Thuận là trường hợp ít thấy trong nhiều thập kỷ qua. Nội dung bài viết này xin trình bày những nét cơ bản về tình hình khí tượng thủy văn trong mùa khô 1997-1998 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống ở Bình Thuận.

1. Tình hình khí tượng

Gió thịnh hành trong mùa chủ yếu hướng đông bắc đến đông, tốc độ gió trung bình trong đất liền cấp 2 - cấp 3, ban chiều cấp 4 - cấp 5. Ngoài khơi gió đông bắc cấp 4 - cấp 5, biển động nhẹ. Thời kỳ đầu tháng 12-1997, trong tháng 1 và tháng 2- 1998 do cao áp lục địa hoạt động mạnh, ngoài khơi có gió đông bắc mạnh cấp 6- cấp 7, biển động đến động mạnh. Một số ngày giữa tháng 2, 3 và trong tháng 4-1998 gió chuyển hướng đông nam cấp 3 - cấp 4, biển tốt.

Sau đợt mưa diện rộng do ảnh hưởng của cơn bão số 5 vào đầu tháng 11 năm 1997, từ giữa tháng 11-1997 đến hết tháng 4-1998 ở hầu hết các nơi trong tỉnh có lượng mưa rất thấp. Trong thời gian các tháng 1,2,3 năm 1998 ở nhiều nơi trong tỉnh không mưa hoặc có mưa nhỏ, lượng mưa không đáng kể (dưới 10 mm). Trong mùa khô 1997-1998 ở Bình Thuận lượng mưa từ tháng 11-1997 đến hết 4-1998 bị thiếu hụt trầm trọng, kết hợp với sự thiếu lượng mưa của mùa mưa năm 1997 đã gây tình hình hạn hán thiếu nước xảy ra trên phạm vi rộng cả tỉnh (bảng1). Cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 1998 một số nơi đã xảy ra mưa rào và dông nhiệt báo hiệu cho thời kỳ kết thúc mùa khô ở Bình Thuận.

Nhiệt độ không khí trung bình hàng tháng từ 26,2 đến 28,9⁰C đều đạt cao hơn TBNN từ 0,5 đến 1,9⁰C; nhiệt độ cao nhất từ 33 đến 35⁰C (tháng 4-1998), thấp nhất: 18 đến 20⁰C rơi vào tháng 12-1997 và tháng 1 năm 1998. Đặc biệt, trong tháng 4 năm 1998 ở Bình Thuận đã xảy ra đợt nắng nóng kéo dài, nhiệt độ trung bình hàng ngày 29 đến 30⁰C, nhiệt độ cao nhất 36 đến 38⁰C (Phan Thiết: 37,0⁰C).

Tổng số giờ nắng cao: từ tháng 11-1997 đến tháng 3-1998 đều cao hơn TBNN từ 12-39 giờ. Số giờ nắng cao nhất xảy ra vào tháng 3: Phan Thiết: 315 giờ, Hàm Tân: 328 giờ.

Tổng lượng bốc hơi hàng tháng từ 106 đến 176mm, đạt xấp xỉ và cao hơn TBNN. Tháng 3 năm 1998 có lượng bốc hơi cao nhất: Phan Thiết: 147,1mm, Hàm Tân: 176,0mm.

2. Tình hình thủy văn

Mực nước trên các sông chính như sông La Ngà, sông Luỹ, trong mùa khô 1997-1998 đều thấp nhất hoặc gần thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc từ sau giải phóng đến nay. Các sông nhỏ như sông Phan, sông Dinh, sông Lòng Sông... đều bị tắt dòng chảy sớm hơn so với các năm có tài liệu điều tra. Nhiều hồ chứa nước trong tỉnh bị thiếu nước, giếng bị nhiễm mặn.

3. Ảnh hưởng của tình hình KTTV đối với sản xuất và đời sống

Nắng nóng, mưa ít hoặc không mưa kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống ở tỉnh Bình Thuận. Vụ đông xuân ở Bình Thuận có 4.996,4 ha cây trồng bị khô hạn; trong đó lúa mất trắng 438ha. Vụ hè thu không có nước để triển khai, ngay đầu mùa tình hình mưa lại không đều, tiến độ gieo trồng chậm, lúa và hoa màu phát triển kém, sản lượng sản xuất bị giảm đáng kể. Hàng chục ngàn hecta lúa và hoa màu, cây công nghiệp bị chết hoặc khô héo. Hàng trăm hecta rừng trồng ở một số huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong bị khô héo lá và chết đứng vì thiếu nước; cháy rừng đã xảy ra ở nhiều nơi. Mực nước ở một số công trình thủy lợi lớn và vừa xuống đến mức thấp nhất gây khó khăn cho việc tưới cho cây trồng, nguồn nước dự trữ cũng chỉ đủ để cung cấp cho sinh hoạt. Tình hình biến động nhiều ngày trong tháng 1 và 2 năm 1998 gây bất lợi cho giao thông trên biển và khai thác hải sản.

Bảng 1. Tổng lượng mưa mùa khô 1997-1998 ở khu vực Bình Thuận
(từ tháng 11-1997 đến tháng 4 -1998)

TT	Điểm đo	Tổng lượng mưa (mm)	Tổng số ngày mưa (ngày)	So với TBNN (mm)
1	Mê Pu	248,1	19	+34,9
2	Tà Pao	112,2	13	-72,3
3	Suối Kiết	97,1	8	-66,0
4	La Ngàu	180,2	14	+31,2
5	Vồ Xu	155,2	13	-86,8
6	Đông Giang	250,5	17	+155,6
7	Ngã 3/46	66,8	4	+15,0
8	Hàm Tân	63,2	7	-55,9
9	Kê Gà	171,3	5	+60,9
10	Mương Mán	68,6	7	-18,3
11	Phan Thiết	108,1	11	+29,2
12	Mũi Né	86,9	3	+21,1
13	Mã Lâm	43,8	6	-29,6